

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **82/2021/HS-ST**

Ngày: 27/9/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Vĩnh Chuyển**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Huỳnh Hưng**

Bà **Trần Thị Hồng Vân**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lại Thị Thanh Huyền** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Bà **Võ Thị Hải Hà** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 71/2021/TLST-HS ngày 27 tháng 7 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2021/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 8 năm 2021; Thông báo hoãn phiên tòa số: 82/2021/TB-TA ngày 13/8/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 99/2021/HSST-QĐ ngày 18/9/2021 đối với các bị cáo:

1. Đinh Công T (T), sinh ngày 20/10/1984 tại Đà Nẵng; Nơi đăng ký NKTT và nơi cư trú: Tổ 13, phường P, quận S, TP Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Con ông (*không xác định*) và bà Đinh Thị Th (*còn sống*); Có vợ là Đỗ Thị Hoài Tân (*đã ly hôn*) và có 01 con (*sinh năm 2009*). Tiền sự: Chưa;

Tiền án:

+ Năm 2011 bị TAND quận Sơn Trà xử phạt 15 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”; (Bản án số: 39/2011/HSST ngày 30/6/2011);

+ Năm 2013 bị TAND TP Đà Nẵng xử phạt 08 (*tám*) năm tù về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”; (Bản án số: 35/2013/HSST ngày 22/8/2013);

Về nhân thân:

+ Năm 2004 bị TAND quận Sơn Trà xử phạt 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo về tội “*Trộm cắp tài sản*”; (Bản án số: 15/2004/HSST ngày 01/7/2004).

+ Năm 2005 bị TAND quận Sơn Trà xử phạt 09 (chín) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”; (Bản án số: 23/2005/HSST ngày 09/5/2005).

+ Năm 2021 bị Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xử phạt 05 (năm) năm tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” (Bản án số: 91/2021/HSPT ngày 09/9/2021).

Bị bắt tạm giam ngày 19/11/2020. Bị cáo hiện đang tạm giam. Có mặt tại phiên tòa.

2. Trịnh Quang V (tên gọi khác: K), sinh ngày 13/10/1994 tại Đắc Lắc; Nơi ĐKNKTT: xã D, huyện K, tỉnh Đắc Lắc; Nơi cư trú: Tổ 113, phường H, quận L, TP Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Trịnh Phi L và bà Ngô Thị Bích H (*đều còn sống*); chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không;

Về nhân thân: Năm 2014 bị TAND quận Hải Châu, Đà Nẵng xử phạt 09 (chín) tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”; (Bản án số: 97/2014/HSST ngày 23/9/2014).

Bị bắt tạm giam ngày 01/12/2020. Bị cáo hiện đang tạm giam. Có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Trọng Hi, sinh ngày 04/11/1996 tại Đà Nẵng; Nơi đăng NKTT và nơi cư trú: Tổ 71 phường T, quận S, TP Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn C và bà Lê Thị Hư (*đều còn sống*); Có vợ là Nguyễn Hoàng Anh Ph và có 01 con (*sinh năm 2018*); Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giam ngày 19/11/2020. Bị cáo hiện đang tạm giam. Có mặt tại phiên tòa.

4. Phan Tấn An, sinh ngày 10/02/1976 tại Đà Nẵng; Nơi ĐKNKTT và nơi cư trú: Tổ 16 phường A, quận S, TP Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Phan Tấn Dũ (*đã chết*) và bà Lê Thị Hư (*còn sống*); Có vợ Thân Thị Ngọc A, sinh năm 1987 và có 02 con, (*con lớn sinh năm 2000 và con nhỏ sinh năm 2007*). Tiền án: Chưa; Tiền sự: Ngày 05. 10. 2018, UBND P. An Hải Đông ra Quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Về nhân thân:

+ Năm 1998 bị TANDTP Đà Nẵng xử phạt 09 (chín) tháng tù về tội “*Gây rối trật tự công cộng*”; (Bản án số: 115/1998/HSPT ngày 10/11/1998)

+ Năm 2004 bị TAND quận Sơn Trà xử phạt 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo về tội “*Trộm cắp tài sản*”; (Bản án số: 25/2004/HSST ngày 30/9/2004)

+ Năm 2006 bị TANDTP Đà Nẵng xử phạt 02 (hai) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”; (Bản án số: 48/2006/HSST ngày 26/5/2006)

Bị bắt tạm giam ngày 19/11/2020. Bị cáo hiện đang tạm giam. Có mặt tại phiên tòa.

- **Người bào chữa cho bị cáo Phan Tấn An:** Ông **Võ Văn Thi**, Luật sư thuộc Đoàn Luật sư TP Đà Nẵng theo yêu cầu của Tòa án. Có đơn đề nghị vắng mặt và được bị cáo đồng ý (*giữ kèm theo đơn luận cứ bào chữa*). Vắng mặt.

- **Người bị hại:**

1. **Công ty CP AMO**; Trụ sở: Lô A19 đường V, phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật anh Nguyễn Tân D, sinh năm 1982, chức vụ: Giám đốc công ty; Nơi cư trú: Số 45 đường D, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

2. **Hộ kinh doanh BBQ U**; Địa chỉ: Thửa đất số B-29+B-30, tờ bản đồ số KT01/1 đường B, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. Đại diện hộ kinh doanh chị Lê Thị Phương Th, sinh năm 1982; Nơi cư trú: Số 379 T, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo ủy quyền của chị Lê Thị Phương Th là chị Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1991, Nơi cư trú: 379 T, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

3. **Công ty TNHH H**; Trụ sở: Số 12 đường P, quận T, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật anh Nguyễn Văn Hi, sinh năm 1983; Nơi cư trú: K11, lầu 11 chung cư B, phường A, quận T, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo ủy quyền ông Lê Thế Li, sinh năm: 1995; Nơi cư trú: Tổ 41 phường Pỹ, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

4. **Khách sạn B - Công ty CP đầu tư chìa khóa P**. Trụ sở: Số 4 đường 11, phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật anh Hà Ngọc Na, sinh năm 1987; Trú tại: 22/27 V, phường B, quận T, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

5. **Công ty TNHH BTB I**; Trụ sở: Số 02 đường 9, phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật ông KIM SEOK H, sinh năm 1977, chức vụ: Giám đốc; Quốc tịch: Hàn Quốc; Nơi cư trú: Ocean View 95 N, quận S, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo ủy quyền của KIM SEOK H là chị Nguyễn Thị Oa, sinh năm 1994.

6. **Hộ kinh doanh BI**; Địa chỉ: Lô 01+02-B5 đường H, phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng. Đại diện hộ kinh doanh chị Đỗ Thị Hoài Hà, sinh năm 1984, trú

tại: Ấp V, xã C A, huyện Đ, tỉnh An Giang. Người đại diện theo ủy quyền của chị Đỗ Thị Hoài Hà là anh Trần Quốc Hồ, sinh năm 1985, trú tại: K356/H67/18 H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

7. **Công ty CP T**; Trụ sở: 130 T, phường T, quận A, thành phố Hồ Chí Minh. Chi nhánh tại Đà Nẵng số 320 – 322 L phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo ủy quyền là anh Phan Quang T, sinh năm 1982. Trú tại số 16 S 11, tổ 5, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

8. **Chị RAH LAN H**, sinh năm 1993; Nơi ĐKHTTT: Buôn C, xã T, huyện L, tỉnh Gia Lai; Nơi cư trú: K80/14 đường L, phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

9. **Chị Hoàng Thị Hoa Chu**, sinh năm 1979, Nơi cư trú : 27 T, tổ 28, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

10. **Chị Đặng Thị Thu Ngu**, sinh năm 1978; Nơi ĐKHKT: 204/8 Ph, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. Nơi cư trú: 12 H, phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng.

11. **Chị Trần Thị Kim Du**, sinh năm 1972; Nơi cư trú: Số 22 N, phường K, quận N, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

12. **Chị Đàm Thị Thanh Thủ**, sinh năm 1973; Nơi cư trú: 75 H, phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

13. **Chị Võ Thị Xuân Quy**, sinh năm 1978; Nơi cư trú: 211/2 N, tổ 45 phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

14. **Anh Ngô Xuân Vin**, sinh năm 1976; Nơi cư trú : Khối 3, phường V, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

15. **Anh Nguyễn Hoàng Nhật Hu**, sinh năm 1998; Nơi ĐKHKT: Tổ 62 phường H, quận Ngũ N, thành phố Đà Nẵng. Nơi cư trú: 227/92 N, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

16. **Anh Nguyễn Văn Minh Th**, sinh năm 1991; Nơi cư trú: K104/55 L, quận T, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

17. **Anh Phan Đình Tiến Nhự**, sinh năm 1991; Nơi ĐKHKT: Khối phố P, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Nơi cư trú: 227/106 N, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

18. **Anh Võ Kim Tr**, sinh năm 1980; Nơi cư trú: K142/23 N, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

19. **Anh JUNG IL K**, sinh năm 1977, Quốc tịch: Hàn Quốc; Số hộ chiếu: M.

Người đại diện theo ủy quyền chị Nguyễn Thị Mai Phươ, sinh năm 1985; Nơi cư trú: 59 H, tổ 53, phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. **Công ty CP Đ.** Trụ sở: 42 C, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Người đại diện theo pháp luật bà Hồ Thị Thanh Thủ, chức vụ Giám đốc. Chi nhánh tại Đà Nẵng: số 05 đường V, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện chi nhánh bà Trương Ngọc An, sinh năm 1975, trú tại: 232/10 N, quận H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

2. **Công ty TNHH MTV T.** Trụ sở: 209 N, phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật anh Nguyễn Công Thà, chức vụ Giám đốc. Vắng mặt.

3. Chị **Đặng Thị Thu Thủ**, sinh năm 1966. Nơi cư trú: 160 N, quận N, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo ủy quyền anh Hoàng Quốc Hư, sinh năm 1972; Trú tại: 28 N, phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

4. Anh **Phan Minh Đ**, sinh năm 1982. Nơi cư trú: K925/37 N, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

5. Anh **Lê Anh T**, sinh năm 1991; Nơi cư trú: 03 T, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

6. Ông **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1964; Nơi cư trú: 120 N, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

7. Chị **Trương Thị Hồng Phú**, sinh năm 1985; Nơi cư trú: Tổ 71 phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

8. Anh **Lê Quang Lon**, sinh năm 1971; Nơi cư trú: Tổ 07 phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

9. Ông **Võ Xuân H**, sinh năm 1958; Nơi cư trú: Tổ 41 khu vực M, phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

10. Anh **Trần Phan Anh V**, sinh năm 1981; Nơi cư trú: Tổ 13 phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

11. Chị **Thân Thị Ngọc A**, sinh năm 1987; Nơi cư trú: K28/02 V, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

12. Chị **Trần Hà Lan Phg**, sinh năm 1981; Nơi cư trú : Tổ 31 phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

13. Bà **Lê Thị Hư**, sinh năm 1966; Nơi cư trú: 120 N, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

14. Chị **Nguyễn Hoàng Anh Phươ**, sinh năm 1994; Nơi cư trú: 135 N, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

15. Chị **Trịnh Thị Phương Tri**, sinh năm 1992; Nơi cư trú: Thôn G 2, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

16. Anh **Ngô Văn Lâ**, sinh năm 1983; Trú tại: Tổ 62 phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ cuối tháng 5/ 2020 đến tháng giữa tháng 11/ 2020, Đinh Công T, Trịnh Quang V, Nguyễn Trọng Hi và Phan Tấn An thường đột nhập vào các cửa hàng, công ty và nhà dân trên địa bàn quận S, thành phố Đà Nẵng để lấy trộm tài sản. Cụ thể:

Vụ 1: Khoảng 01 giờ sáng sáng ngày 30. 5. 2020, Trịnh Quang V và Nguyễn Trọng Hi rủ nhau đến quán cà phê Amera Nam số 71 L, phường P, quận Sơn Trà do chị Rah Lan H làm chủ, tháo trộm 02 loa treo trước quán, hiệu RCT màu đen, trị giá 2.800.000 đồng (*Hai triệu, tám trăm ngàn đồng*), đem bán cho một người tên Phư không rõ lai lịch lấy tiền chia nhau tiêu xài.

Vụ 2: Khoảng 0 giờ 30 phút ngày 08. 6. 2020, V và Hi rủ nhau đột nhập vào quán ẩm thực Ao, lô A19 V, quận Sơn Trà do anh Nguyễn Tân D làm chủ, lấy trộm 02 loa treo tường nhãn hiệu JBL Eon 612 màu đen. Trị giá 9.520.000 đồng (*Chín triệu, năm trăm hai mươi ngàn đồng*).

Vụ 3: Khoảng 12 giờ ngày 09. 06. 2020, H sử dụng xe ô tô, nhãn hiệu Hyundai Santafe, màu trắng, BKS: 43A-203.63 chở Vũ đến quán nướng BBQ U, số 379 T, phường A, quận S, TP Đà Nẵng, do chị Nguyễn Thị Nh làm quản lý, lấy trộm 01 quạt công nghiệp hiệu ASIA Quacert 0050-10 màu đen, trị giá 996.000 đồng (*Chín trăm chín mươi sáu ngàn đồng*) bỏ vào cốp xe ô tô. Sau đó, Hi và V bán cho một người đàn ông thu mua đồ cũ trên đường T (*không rõ lai lịch*) lấy tiền chia nhau tiêu xài.

Vụ 4: Khoảng giữa tháng 6/2020, Đinh Công T rủ Lê Văn Đ (sinh năm 1991, trú tổ 02, phường M, quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng) đột nhập vào cửa hàng O thuộc Công ty H số 37 V, quận S lấy trộm 01 máy nỏ hiệu Hyundai 6,3kw và 01 máy hút bụi hiệu Hitachi, trị giá 11.480.000 đồng (*Mười một triệu, bốn trăm tám mươi ngàn đồng*).

Máy hút bụi, T đem cho Phan Tấn An sử dụng, Cơ quan CSĐT đã thu hồi trả lại cho người bị hại. Máy nỏ, T bán cho người đàn ông tên L ở Sơn Trà (*không rõ lai lịch, địa chỉ*), được 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*), chia nhau tiêu xài.

Vụ 5: Tối 22/7/2020, T đột nhập vào tầng hầm khách sạn Bridges, địa chỉ 04 11, quận S lấy trộm 01 xe đạp hiệu RL 600 màu đen trắng đỏ và 01 xe đạp hiệu KSTON A2 màu đỏ đen của ông Hà Ngọc Na; Chiếc xe đạp hiệu RL 600, T gửi cho bạn tên Mó (*không biết lai lịch*), chiếc xe này Cơ quan CSĐT đã thu hồi trả lại cho người bị hại. Chiếc xe đạp hiệu KSTON A2, T đem bán nhưng không bán được nên vứt bỏ, tài sản không thu hồi được. Trị giá tài sản là 3.777.000 đồng (*Ba triệu, bảy trăm bảy mươi bảy ngàn đồng*).

Vụ 6: Khuya ngày 04. 8. 2020, H cùng Đ sử dụng xe máy hiệu AirBlade màu đỏ đen của Đ đến quán cà phê Q của chị Hoàng Thị Hoa Ch địa chỉ số 23 T, quận S đột nhập vào bên trong lấy trộm 01 tivi Sony, 01 bộ điều hòa âm tường, 01 bộ vi tính (CPU+ màn hình), 02 quạt để bàn, 02 quạt điều hòa đứng và 01 bộ đánh gôn 13 gậy hiệu Ping. Tổng trị giá tài sản là 35.356.000 đồng (*Ba mươi lăm triệu, ba trăm năm mươi sáu ngàn đồng*). Số tài sản trộm cắp được, H và Đ đem về nhà Đ cất giấu, sau đó Đ bán và chia tiền cho H.

Vụ 7: Khoảng 02giờ ngày 05. 9. 2020, T sử dụng xe mô tô, không rõ nhãn hiệu, biển số (*Xe T mượn một người không rõ họ tên*) đi đến quán của chị Đặng Thị Thu Ngu địa chỉ số 12 H, phường P, quận S, TP Đà Nẵng, trộm cắp 01 tivi Led Darling 50 inch 50HD955T2 02B-1 màu đen, trị giá 4.500.000 đồng (*Bốn triệu, năm trăm ngàn đồng*). T đem tivi bán cho một người đàn ông (*không rõ lai lịch*) ở đường T được 1.500.000 đồng, tiêu xài hết.

Vụ 8: Khoảng giữa tháng 9/2020, T rủ đối tượng tên Tr (*không rõ lai lịch*) đến quán kem 04 Mùa số 02 V, quận S do chị Trần Thị Kim Du làm chủ, lấy trộm 01 tủ đông hiệu Liebherr 254 lít bên trong có 01 số kem. Tổng trị giá 4.828.000 đồng (*Bốn triệu, tám trăm hai tám ngàn đồng*).

Vụ 9: Sau đó, T và Tr tiếp tục đến quán tạp hóa của chị Đàm Thị Thanh T địa chỉ 75 H, quận S, lấy trộm 01 tủ đông đựng kem hiệu Alaska 250 lít. Trị giá 1.280.000 đồng (*Một triệu, hai trăm tám mươi ngàn đồng*).

Cả 02 tủ đông này, T và Tr đem bán cho Lê Anh T thợ sửa chữa điện lạnh với giá 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*) chia nhau tiêu xài. Khi mua, T không biết tài sản do T trộm cắp đem bán. Cơ quan điều tra đã thu giữ và trả lại cho người bị hại.

Vụ 10: Đêm 08. 10. 2020, T và V rủ nhau đi trộm cắp tài sản. Cả hai lẻn vào sân nhà chị Võ Thị Xuân Quy địa chỉ K211/02 N, quận S lấy trộm 02 bộ máy điều

hòa hiệu Daikin màu trắng. Tài sản trộm cắp T và V đem bán cho 01 người đàn ông thu mua đồ cũ lấy tiền chia nhau tiêu xài. Trị giá 9.356.000 đồng (*Chín triệu, ba trăm năm sáu ngàn đồng*).

Vụ 11: Rạng sáng ngày 25.10.2020, V điều khiển xe máy, BKS: 43AA-212.29 (*Xe của V*) chở T đến cửa hàng số 1165 N, phường A, quận S, TP Đà Nẵng, do anh Ngô Xuân Vi làm chủ, trộm cắp: 02 máy nén khí MINBAO 35L, 01 máy cắt góc đa năng Mikita LS1040 màu trắng đỏ, 01 máy cắt góc đa năng Mikita MT230 màu trắng bạc và 01 máy hàn que mini Kowon KARC 2.5 màu xanh dương. Tổng trị giá là 11.944.000 đồng (Mười một triệu, chín trăm bốn mươi bốn ngàn đồng). Số tài sản này, T và V mang về để ở sân nhà Phan Minh Đ. Sáng cùng ngày, V đem tài sản bán cho một người đàn ông (*không rõ lai lịch*) ở đường T với số tiền 1.600.000 đồng (*Một triệu, sáu trăm ngàn đồng*) rồi chia nhau tiêu xài.

Vụ 12: Rạng sáng ngày 30. 10. 2020, T và H đột nhập vào quán cà phê K227/85 N do anh Nguyễn Hoàng Nhật H làm chủ lấy trộm: 01 quạt điều hòa màu trắng, 02 đàn ghita hiệu Phú Sĩ, 01 loa Bluetooth, 01 đồng hồ treo tường. Trị giá 4.044.000 đồng (*Bốn triệu, không trăm bốn bốn ngàn đồng*). Đã thu hồi 01 cây đàn (*tại phòng trọ của Phan Tấn An*) và 01 đồng hồ treo tường (*T giao nộp*) trả lại cho người bị hại.

Vụ 13: Rạng sáng ngày 02.11. 2020, V điều khiển xe máy BKS: 43AA-212.29, chở T đến và đột nhập vào Văn phòng Công ty BTB I, địa chỉ: Số 02 9, phường P, quận S, TP Đà Nẵng, do ông Kim Seok-H (*Quốc tịch: Hàn Quốc*) làm giám đốc, lấy trộm: 02 màn hình máy tính hiệu Samsung 27 inch màu trắng, 01 máy in hiệu Canon Pixma G1000 màu đen, 01 máy in hiệu Canon Pixma MG-3570 màu đen và 01 quạt nước Samsung màu xám. Trị giá trị 10.881.000 đồng (*Mười triệu, tám trăm tám một ngàn đồng*). Số tài sản trộm cắp được, T và V đem về nhà Phan Minh Đ cất giấu. Sáng cùng ngày, V đem tài sản bán cho một người đàn ông (*không rõ lai lịch*) ở đường Y với số tiền 5.500.000 đồng rồi chia nhau tiêu xài. Máy in màu Canon Pixma G1000 màu đen do không bán được, T và V đem về nhà trọ của Phan Tấn An cất giấu, cơ quanĐT đã thu hồi trả lại cho người bị hại.

Vụ 14: Khoảng 01 giờ ngày 03. 11. 2020, Hiếu điều khiển xe máy BKS 43E1-187.88 chở T đến cửa hàng Bios số 74 H, quận S do chị Đỗ Thị Hoài Hà làm chủ, lấy trộm 01 máy vi tính hiệu Dell màu đen, 01 máy vi tính hiệu MSI Core i7 màu đen, 03 tivi hiệu sharp 40 inch màu đen, 01 bộ golf 08 cây và 01 cây gỗ giả trầm. Tổng trị giá 36.496.000 đồng (*Ba mươi sáu triệu, bốn trăm chín sáu ngàn đồng*).

Toàn bộ số tài sản trộm cắp được, T và H đem về nhà trọ của Phan Tấn An và nói cho An biết đây là tài sản trộm cắp và cất giấu tại đây. Sau đó, T và H rủ An quay lại cửa hàng trên lấy trộm tiếp: 02 màn hình máy tính hiệu LG 27inch, 01 tivi hiệu LG 50 inch màu đen, 01 tivi hiệu Sharp 40 inch màu đen, 01 tivi hiệu Samsung 40 inch và 04 cây gỗ giả trầm. Tổng trị giá là 14.324.000 đồng (*Mười bốn triệu, ba trăm hai bốn ngàn đồng*). Số tài sản này chở về nhà An cất giấu.

Sau đó, H bán 02 tivi hiệu Sharp màu đen, 01 màn hình vi tính 27 inch, 04 cây gỗ giả trầm cho một người không rõ lai lịch lấy tiền chia nhau tiêu xài.

T nhờ Phan Tấn An cầm cố 01 máy tính xách tay hiệu Dell tại hiệu cầm đồ T do chị Đặng Thị Thu Th (*làm chủ*) lấy 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*). T chia cho An 1.000.000đ (*Một triệu đồng*). Chị Th không biết tài sản do trộm cắp đem cầm. Đến thời hạn, thấy An không quay lại lấy tài sản nên chị Th đã bán cho người không rõ lai lịch để thu hồi vốn. Cơ quan Điều tra không thu hồi được.

Cơ quan CSĐT thu giữ tại nhà Phan Tấn An 01 màn hình máy tính hiệu LG 27 inch, 01 tivi LG 50 inch, 08 cây gậy đánh gôn và 01 cây gỗ giả trầm và trả lại cho người bị hại. Số tài sản còn lại bị hư hỏng nên Phan Tấn An đem vứt bỏ, không thu hồi được.

Vụ 15: Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 04. 11. 2020, Tâm rủ Phan Tấn An đi trộm cắp tài sản. An đồng ý và sử dụng xe máy BKS 43H8-7480 (*xe của Tấn An*) chở T đến Văn phòng Công ty BTB I, số 02 9, phường P, quận S, TP Đà Nẵng, đột nhập vào lấy trộm 01 xe đạp hiệu Fomix FR-303 màu xanh lá cây, 01 máy tính xách tay hiệu Samsung Chormebook 2 màu trắng, 01 máy tính xách tay hiệu Samsung Chormebook 3 XE500C13 màu đen. Trị giá tài sản là 13.728.000 đồng (*Mười ba triệu, bảy trăm hai tám ngàn đồng*). Số tài sản này, An bán cho một người đàn ông (*không rõ lai lịch*) với giá 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) chia nhau tiêu xài.

Vụ 16: Rạng sáng ngày 07. 11. 2020, H điều khiển xe máy 43E1-187.88 chở An đến cơ sở SOO SPA, số 21 T, phường P, quận S, TP Đà Nẵng, do anh Nguyễn Văn Minh Th làm chủ, đột nhập vào lấy trộm tài sản: 01 CPU hiệu Dell màu đen, 01 màn hình Asus 27 inch màu đen, 01 máy in màu Canon Pixma G3010 màu đen, 01 loa di động Temeisheng màu đen, 01 máy cát-sét màu xám. Trị giá tài sản là 5.456.000 đồng (*Năm triệu, bốn trăm năm sáu ngàn đồng*). H đem số tài sản này bán cho một người đàn ông (*không rõ lai lịch*) với giá 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) rồi chia nhau tiêu xài. Cơ quan CSĐT đã thu giữ máy cát sét tại nhà An trả lại cho người bị hại.

Vụ 17: Khoảng 02 giờ ngày 12. 11. 2020, V điều khiển xe máy BKS 43AA-212.29 chở T đến quán cà phê “N”, số K227/106 N, phường P, quận S, TP Đà Nẵng, do anh Phan Đình Tiến Nh (*làm chủ*), đột nhập vào lấy trộm 01 tivi TCL 32 inch màu đen, 01 điện thoại Iphone 5s màu trắng, 01 điện thoại Nokia 105 màu xanh và 01 điện thoại bàn phím không rõ nhãn hiệu. Trị giá tài sản là 3.662.000 đồng (*Ba triệu, sáu trăm sáu hai ngàn đồng*). V và T đem tivi bán cho một người tên B (*không rõ lai lịch*) ở đường N, TP Đà Nẵng 500.000 đồng (*Năm trăm ngàn đồng*) rồi chia nhau tiêu xài. 03 chiếc điện thoại không bán được nên V và T đã vứt bỏ.

Vụ 18: Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 14. 11. 2020, V điều khiển xe máy BKS 43AA-212.29, chở T đến quán cà phê của anh Võ Kim Trư, địa chỉ số K142/23 N, phường A, quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng, đột nhập vào trộm cắp 01 chiếc xe máy hiệu Honda 67 màu đen (*không có biển số*), trị giá 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*). Sau đó, V và T bán xe này cho An với giá 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*). Mặc dù biết tài sản do phạm tội mà có nhưng An vẫn mua để phục vụ nhu cầu cá nhân. Cơ quan Điều tra đã tạm giữ chiếc xe này.

Vụ 19: Khoảng 01 giờ đầu tháng 11/2020 (không rõ ngày), Hi sử dụng xe máy BKS 43E1-187.88 chở An đến quán cà phê “B”, địa chỉ: Lô B21 V, phường P, quận S, TP Đà Nẵng, do ông JUNG ILK (*Quốc tịch Hàn Quốc*) làm chủ, trộm cắp 02 quạt điều hòa âm trần, màu trắng xám hiệu LG 24000 BTU. *Trị giá tài sản chiếm đoạt là 18.440.000 đồng*. Sau đó đem tài sản về nhà trọ của An cất giấu, Cơ quanĐT đã thu giữ.

Chị Nguyễn Thị Phương M (*người được ông Jung Kn ủy quyền*) khai: Chiều ngày 24. 11. 2020, khi đến quán, chị phát hiện tài sản bị mất trộm gồm: 02 điều hòa âm tường hiệu LG màu trắng, 04 điều hòa áp tường hiệu LG màu trắng, 04 tivi Toshiba 32inch màu đen, 01 tủ lạnh Toshiba 194 lít, 01 máy in Canon Pixma G1010, 01 ghế sofa dài 1,80m da màu đen và 01 điều hòa đứng LG nhưng không có cơ sở xác định nên không xem xét.

Vụ 20: Khoảng 02 giờ ngày 16.11.2020, H, T và V gặp nhau tại quán cà phê của Phan Minh Đ và rủ nhau đi trộm cắp tài sản. H sử dụng xe ô tô, BKS 43A-207.64 (*H thuê của Công ty TNHH Xây dựng và Du lịch K*); chở V và T đi tìm địa điểm để trộm cắp tài sản. Khi đến kho hàng của Siêu thị Đ, địa chỉ số 31 P, phường A, quận S, TP Đà Nẵng, H dừng xe gần ngã ba đường N - P và đứng canh giới, còn V và T dùng kim cộng lực đã chuẩn bị từ trước cắt thanh sắt chắn ở khung cửa phụ bên hông nhà kho, T trèo vào bên trong mở cửa bên hông phía sau để V cùng vào lấy trộm 01 máy nước nóng lạnh Sunhouse SHD9546 màu trắng, 01 máy lọc không khí Sharp FP-J80E-H màu đen và 02 quạt điều hòa Delites FLS-L20KG màu trắng. Trị giá tài sản

là 17.290.000 đồng (*Mười bảy triệu, hai trăm chín mươi ngàn đồng*). T và V đem 01 máy lọc không khí và 01 quạt điều hòa giấu vào một nhà hoang cạnh đó rồi quay lại đem 01 máy nước nóng lạnh và 01 quạt điều hòa đưa lên xe của H đem bán cho người tên B (*chưa rõ lai lịch*) ở đường N, Đà Nẵng với giá 3.200.000 đồng (*Ba triệu, hai trăm ngàn đồng*), trong đó đưa cho H 1.700.000 đồng (*Một triệu, bảy trăm ngàn đồng*) và đưa ma túy cho T với giá 1.500.000 đồng (*Một triệu, năm trăm ngàn đồng*). T đem ma túy về nhà Phan Minh Đ cho cả nhóm sử dụng.

Trưa cùng ngày, T và V quay lại nhà hoang lấy số tài sản cất giấu tại đây rồi thuê xe grad (*không nhớ BKS*) chở đến đường N bán cho B (*không rõ lai lịch*) với giá 4.500.000 đồng (*Bốn triệu, năm trăm ngàn đồng*). Số tiền này, T và V chia nhau tiêu xài.

Với nội dung trên, Tại Bản cáo trạng số: 87/CT-VKS-P2 ngày 27/7/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đã truy tố các bị cáo như sau:

- Bị cáo Đinh Công T bị truy tố về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo các điểm a, b, c, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo Trịnh Quang V, Nguyễn Trọng Hi bị truy tố về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo các điểm a, b, c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo Phan Tấn An bị truy tố về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo các điểm a, c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự và tội “*Chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo T, V, H, An đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra đúng như nội dung Cáo trạng số: 87/CT-VKS-P2 ngày 27/7/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đã truy tố đối với từng bị cáo về những tội danh, điểm khoản, điều luật là đúng người, đúng tội, không oan, các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để có thời gian học tập, cải tạo tốt sớm được đoàn tụ với gia đình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo Đinh Công T, Trịnh Quang V, Nguyễn Trọng Hi, Phan Tấn An về các tội danh như trong nội dung Cáo trạng số: 87/CT-VKS-P2 ngày 27/7/2021, trên cơ sở phân tích đánh giá tính chất vụ án, hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của từng bị cáo, qua đó đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Đinh Công T, Trịnh Quang V, Nguyễn Trọng Hi phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”; bị cáo Phan Tấn An phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” và “*Chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”

Về hình phạt:

- *Căn cứ*: Điểm a, b, c, g khoản 2 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52, các điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Xử phạt: **Đinh Công T** từ: 05 (năm) năm đến 06 (sáu) năm tù.

Căn cứ: Điều 56 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Tổng hợp hình phạt 05 (năm) tù của Bản án số: 91/2021/HSPT của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử đã có hiệu lực pháp luật, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án theo luật định.

Căn cứ: Điểm a, b, c khoản 2 Điều 173, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Xử phạt: Trịnh Quang V từ: 04 (bốn) đến 05 (năm) năm tù.

Xử phạt: Nguyễn Trọng Hi từ: 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù.

Căn cứ: Điểm a, c khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 323, các điểm g, h khoản 1 Điều 52, điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 và Điều 55 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017)

Xử phạt: Phan Tấn An từ: 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” và từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù về tội “*Chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”. Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội từ 03 (ba) năm 03 (ba) tháng đến 04 (bốn) năm tù.

* *Về trách nhiệm dân sự*: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 48 BLHS buộc các bị cáo phải có trách nhiệm liên đới bồi thường trả lại cho những bị hại giá trị tài sản đã chiếm đoạt theo quy định của pháp luật.

* *Về xử lý vật chứng*: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 47 BLHS và Điều 106 BLTTHS xử lý vật chứng như đề cập trong nội dung cáo trạng truy tố.

Luật sư Th người bào chữa cho bị cáo An có luận cứ bào chữa như sau:

Hoàn toàn, thống nhất về tội danh, điểm, khoản và điều luật mà Cáo trạng 87/CT-VKS-P2 ngày 27/7/2021 của VKS nhân dân thành phố Đà Nẵng đã truy tố đối với bị cáo Anh là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, nên không có tranh luận về mặt tội danh truy tố

Tuy nhiên, Luật sư cho rằng: Khi quyết định hình phạt đề nghị HĐXX cần cá thể hóa trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội và giá trị tài sản mà bị cáo Anh tham gia chiếm đoạt, mặt khác, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự thú khai ra những lần phạm tội trước đó, hoàn cảnh gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS mà bị cáo được hưởng để xem xét cân nhắc khi quyết định mức hình phạt cho bị cáo.

Từ những lập luận như đã nêu trên: Luật sư đề nghị HĐXX áp dụng các điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS quyết định cho bị cáo một mức hình phạt phù hợp ở mức thấp nhất của khung hình phạt cho mỗi điều luật truy tố nhằm thể hiện tính nhân đạo pháp luật XHCN.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận thấy như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Những người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó, căn cứ Điều 292 BLTTHS, HĐXX tiến hành xét xử vụ án theo luật định.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo, luật sư và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[3] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Qua xem xét lời khai nhận tội của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa; quan điểm luận tội của đại diện VKS nhân dân thành phố Đà Nẵng, luận cứ bào chữa của luật sư người bào chữa cho bị cáo An, Lời khai của những người bị hại, cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định:

[3.1] *Về hành vi trộm cắp tài sản:* Để có tiền chi tiêu phục vụ cho nhu cầu mục đích cá nhân, các bị cáo T, V, H và An đã bàn bạc thống nhất cùng nhau đi trộm cắp tài sản, trong đó T, H là người khởi xướng, V chuẩn bị công cụ gồm 01(một) kìm cộng lực, 01(một) tuốt nơ vít dài 10 cm, 02 (hai) cà lê dùng để cạy cửa đột nhập khi thực hiện việc trộm cắp, các bị cáo sử dụng xe máy, xe ô (thuê) làm phương tiện đi lại, khi thực hiện hành vi thì có người đứng ngoài canh giới, người đột nhập vào bên trong để trộm cắp tài sản, thời điểm các bị cáo lựa chọn để thực hiện hành vi trộm cắp là những nơi vắng vẻ, ít người qua lại vào lúc đêm khuya nhằm tránh sự phát hiện, tài sản trộm cắp được cùng bán rồi lấy tiền chia nhau tiêu xài. Với động cơ mục đích nêu trên, trong khoảng thời gian từ cuối tháng 5 năm 2020 đến giữa tháng 11 năm 2020

các bị cáo đã cùng nhau lén lút đột nhập vào các cơ sở kinh doanh, nhà của những người bị hại trên địa bàn quận S, thành phố Đà Nẵng thực hiện trót lọt 20 (hai mươi) lần trộm cắp tài sản gồm các loại với tổng giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt được của những người bị hại là: **222.158.000đ** (Hai trăm hai mươi hai triệu, một trăm năm mươi tám ngàn đồng).

Trong đó xác định: Bị cáo T tham gia 14 (mười bốn) lần với giá trị tài sản chiếm đoạt 149.590.000đ (Một trăm bốn mươi chín triệu, năm trăm chín mươi ngàn đồng); bị cáo V tham gia 09 (chín) lần với giá trị tài sản chiếm đoạt 72.493.000đ (Bảy mươi hai triệu, bốn trăm chín mươi ba ngàn đồng); bị cáo H tham gia 09 (chín) lần với giá trị tài sản chiếm đoạt: 140.678.000đ (Một trăm bốn mươi triệu, sáu trăm bảy mươi tám ngàn đồng) và bị cáo An tham gia 04 (bốn) lần với giá trị tài sản chiếm đoạt 51.948.000đ (Năm mươi một triệu, chín trăm bốn mươi tám ngàn đồng) bán lấy tiền chia nhau tiêu xài.

[3.2] Về hành vi chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có:

Đối với bị cáo A, ngoài việc tham gia cùng với đồng phạm thực hiện 04 (bốn) lần trộm cắp tài sản như đã nêu trên, bị cáo còn biết rất rõ số tài sản do các bị cáo T, H trộm cắp mà có, nhưng bị cáo vẫn sử dụng phòng trọ nơi ở của mình cất giấu tài sản, đồng thời giúp bị cáo T cầm cố máy tính xách tay, mua xe máy sử dụng với tổng giá trị tài sản bị cáo chứa chấp và tiêu thụ là 25.659.000đ (Hai mươi lăm triệu, sáu trăm năm chín ngàn đồng).

Với những hành vi nêu trên của từng bị cáo là đủ các yếu tố cấu thành các tội “Trộm cắp tài sản”, và “chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Xét thấy: Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội có tổ chức, đồng thời các bị cáo T, V, H phạm tội có “Tính chất chuyên nghiệp”, và tài sản các bị cáo chiếm đoạt trị giá từ 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) trở lên; riêng bị cáo T đã có nhiều tiền án chưa được xóa án tích, nên lần phạm tội này của bị cáo T là “Tái phạm nguy hiểm” Do đó, Bản cáo trạng số: 87/CT-VKS-P2 ngày 27/7/2021 của VKS nhân dân thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị cáo T, với 04 (bốn) tình tiết định khung, các bị V, H 03 (ba) tình tiết định khung, An 02 (hai) tình tiết định khung quy định tại khoản 2 Điều 173 BLHS về tội “Trộm cắp tài sản” và bị cáo An về tội “Chứa chấp, tiêu thụ tài do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan.

[4] Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy:

[4.1] Đây là vụ án có tính chất nghiêm trọng, bởi lẽ: Khách thể về Quyền sở hữu tài sản luôn được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đến khách thể nêu

trên một cách trái pháp luật gây hậu quả nghiêm trọng đều bị pháp luật trừng trị và xử lý tùy theo tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi trái pháp luật đó gây ra. Các bị cáo T, V, H, An đều có đủ nhận thức được điều đó, song để có tiền chi tiêu cho mục đích bản thân, các bị cáo đã bất chấp mọi sự trừng trị của pháp luật, chỉ trong một thời gian ngắn từ tháng 5 năm 2020 đến tháng 11 năm 2020 các bị cáo nhiều lần rủ nhau sử dụng công cụ, phương tiện lén lút đột nhập vào các cơ sở kinh doanh, nhà ở của những người bị hại trên địa bàn quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng trộm cắp tài sản nhiều loại gồm 20 (hai mươi) lần với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt được của những người bị hại là: **222.158.000đ** (Hai trăm hai mươi hai triệu, một trăm năm mươi tám ngàn đồng) bán chia nhau tiêu xài; ngoài ra bị cáo An còn có hành vi sử dụng nhà thuê ở, chứa chấp, tiêu thụ tài sản do các bị cáo T, H trộm cắp được để hưởng lợi. Như vậy, hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, đồng thời còn gây ảnh hưởng rất xấu đến tình hình trật tự, trị an xã hội, trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Vì vậy, việc các cơ quan tiến hành tố tụng bắt khởi tố, điều tra, truy tố các bị cáo ra trước pháp luật để trừng trị, xử lý răn đe, giáo dục riêng các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội là cần thiết.

[4.2] Xét hành vi phạm tội và vai trò của từng bị cáo tham gia trong vụ án thì thấy: Đây là vụ án có đồng phạm mang tính tổ chức, bởi trước khi đi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo có sự bàn bạc, thống nhất phân công vai trò trách nhiệm của từng bị cáo về việc chuẩn bị công cụ, phương tiện, thời điểm và các vấn đề khác trước, trong và sau khi thực hiện hành vi trộm cắp trong trong đó xác định:

[4.2.1] Đối với bị cáo Đinh Công T là người khởi xướng cùng với các bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp gồm 14 lần, trong tổng số 20 lần, giá trị tài sản bị cáo tham gia chiếm đoạt nhiều hơn so với các bị cáo khác, nhân thân của bị cáo rất xấu đã nhiều lần bị Tòa án các cấp xét xử về hành vi “*Trộm cắp tài sản*” chưa được xóa án tích, lần phạm tội này của bị cáo là thuộc trường hợp “*Tái phạm nguy hiểm*”, số tiền bị cáo chiếm đoạt nhiều hơn các bị cáo khác, mặt khác bị truy tố với nhiều tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm a, b, c, g khoản 2 Điều 173 BLHS. Do đó, đối với bị cáo cần có một mức hình phạt thật nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo cùng với đồng phạm gây ra, tiếp tục cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhất định nhằm cải tạo, giáo dục răn đe bị cáo và mức hình phạt của bị cáo có cao hơn các đồng phạm khác là thích đáng. Ngoài hình phạt của bản án này, HĐXX còn tổng hợp hình phạt bản án 05 năm tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định của pháp luật.

[4.2.2] Đối với bị cáo Trịnh Quang V là đồng phạm tham gia trong vụ án, vừa là người rủ rê và chuẩn bị công cụ trước khi đi thực hiện hành vi trộm cắp, bị cáo

tham gia cùng với đồng phạm gồm 09 lần trong tổng số 20 lần, tuy số tiền chiếm đoạt có ít hơn so với bị cáo H, nhưng trong vụ án này bị cáo là người tham gia tích cực nhất, nhân thân của bị cáo cũng 01 lần bị Tòa án xét xử về hành vi “*Cố ý gây thương tích*”. Vì vậy, đối bị cáo cũng cần xử lý một mức hình phạt nghiêm khắc, tiếp tục cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian dài nhất định, nhằm răn đe, giáo dục phòng ngừa. Tuy nhiên, xét trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo đã có tác động gia đình nộp được số tiền 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) nhằm khắc phục một phần hậu quả nên khi quyết định hình phạt cho bị cáo có thấp hơn so với bị cáo T là phù hợp.

[4.3.2] Đối với bị cáo Nguyễn Trọng Hi cũng là đồng phạm trong vụ án, tham gia với vai trò là người sử dụng phương tiện chở các bị cáo cùng đi thực hiện hành vi trộm cắp, khi bị cáo khác đột nhập vào bên trong lấy tài sản thì bị cáo là người đứng ngoài cảnh giới, sau đó chở tài sản về nơi cất giấu. Trong 20 lần các đồng phạm thực hiện hành vi trộm cắp tài sản thì bị cáo tham gia 09 (*chín*) lần với giá trị tài sản chiếm đoạt nhiều hơn so với bị cáo V; Tuy nhiên, xét về nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội, mặt khác trong quá trình điều tra và trong giai đoạn Tòa án chuẩn bị xét xử vụ án, bị cáo tác động gia đình tự nguyện nộp số tiền 67.000.000đ (*Sáu mươi bảy triệu đồng*) tương đương với số tiền bị cáo phải chịu trách nhiệm liên đới bồi thường cho những người bị hại, nên đối với bị cáo cũng cần có một mức hình phạt thỏa đáng, cần tiếp tục cách ly bị cáo ra ngoài một thời gian dài mới đủ sức răn đe, cải tạo, giáo dục bị cáo; Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt có thấp hơn so với các bị cáo là phù hợp.

[4.4.2] Đối với bị cáo Phan Tấn An cũng là đồng phạm trong vụ tham gia với trò sử dụng phương tiện chở đồng phạm đi trộm cắp, bị cáo tham gia cùng với đồng phạm gồm 04 lần với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt 51.948.000đ (Năm mươi một triệu, chín trăm bốn mươi tám ngàn đồng). Tuy có ít hơn so với các bị cáo khác, nhưng trong vụ án ngoài việc tham gia trộm cắp cùng với đồng phạm bị cáo còn có hành vi chứa chấp, tiêu thụ tài sản do đồng phạm thực hiện hành vi phạm tội mà có, cùng một lúc bị cáo phạm 02 tội, nghiêm trọng và ít nghiêm trọng, nhân thân bị cáo cũng là người có nhiều tiền án đã bị Tòa án xét xử, tuy đã được xóa án tích, do đó, đối với bị cáo cũng cần có một mức hình phạt tương xứng, tiếp tục cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhất định để răn đe, cải tạo, giáo dục riêng bị cáo là cần thiết.

[5] *Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

[5.1] *Về tình tiết tăng nặng:* Các bị cáo phạm tội từ hai lần trở lên, nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của BLHS để áp dụng khi quyết định hình phạt cho các bị cáo.

[5.2] *Về tình tiết giảm nhẹ*: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và tự thú khai ra những lần phạm tội trước đó, đồng thời có một số người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt chung cho các bị cáo, ngoài ra bị cáo H, V cũng đã tích cực tác động gia đình tự nguyện nộp tiền khắc phục một phần hậu quả. H có ông ngoại được Nhà nước tặng “*Huân chương kháng chiến hạng 2*”, nên đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự mà các bị cáo được hưởng chung, riêng đối với bị cáo V, H được áp dụng thêm điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để cân nhắc khi quyết định hình phạt cho từng bị cáo.

[6] Xét luận cứ bào chữa của luật sư người bào chữa cho bị cáo An về việc đề nghị HĐXX áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự qui định tại các điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS là phù hợp với nhận định của HĐXX ở phần trên nên cần được ghi nhận.

[7] *Về trách nhiệm dân sự*:

[7.2] Những người bị hại có mặt tại phiên tòa, và không có mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình điều tra tất cả những người bị hại này đều có chung yêu cầu buộc các bị cáo bồi thường lại toàn bộ thiệt hại về giá trị tài sản của họ mà các bị cáo chiếm đoạt. Xét yêu cầu này của người bị hại là chính đáng, không trái với quy định của pháp luật. Do đó, căn cứ Điều 48 BLHS buộc các bị cáo cùng liên đới bồi thường là phù hợp.

[8] *Về xử lý vật chứng*:

Hiện nay Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng đang tạm giữ một số tang vật gồm: Vật chứng các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, các tài sản thuộc sở hữu riêng của từng bị cáo khi khám xét thu giữ được. Căn cứ Điều 47 BLHS và Điều 106 BLTTHS xử lý như sau:

[8.1] Đối với vật chứng các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội không có giá trị sử dụng thì tịch thu tiêu hủy.

[8.2] Đối với vật chứng thuộc sở hữu riêng của từng bị cáo không có liên đến việc phạm tội thì trả lại, nhưng tiếp tục quy trữ tạm giữ nhằm đảm bảo cho việc thi hành án.

[8.3] Đối với những vật chứng thu giữ được thuộc sở hữu của chủ sở bị hại nào thì trả lại cho chủ sở bị hại đó sử dụng.

[9] *Vấn đề có liên quan*:

[9.1] Trong vụ án này có đối tượng Lê Văn Đ có cùng với bị cáo T, thực hiện 01(vụ) và bị cáo H 01 (một) vụ trộm cắp tài sản. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra

chưa thu thập được lời khai của đối tượng, Cơ quan CSĐT tiếp tục xác minh điều tra làm rõ xử lý sau, nên HĐXX không đề cập trong bản án này.

[9.2] Đối với các đối tượng tên Tr cùng tham gia với bị cáo T 02 (hai) lần trộm cắp, và đối tượng tên B nhiều lần mua tài sản do các bị cáo đem bán, nhưng do không xác định được nhân thân, lai lịch, địa chỉ, nên HĐXX không đề cập đến.

[9.3] Đối với anh Lê Anh T người mua 02 (hai) tủ đông do bị cáo T và Tr mang bán, bà Đặng Thị Thanh Th người cầm cố tài 01 (một) máy tính xách tay hiệu Dell, nhưng khi mua những người này không biết do trộm cắp mà có, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có cơ sở, nên không đề cập đến.

[9.4] Đối với anh Phan Minh Đ tuy các bị cáo T, H, V thường mang tài sản sau khi trộm cắp được về để ở sân nhà, sau đó mang đi bán, việc này gia đình anh Đ không biết, bà Thân Thị Ngọc A (vợ bị cáo An) và bà Lê Thị Hươ (chủ nhà trọ cho bị cáo An thuê) đều không biết việc các bị cáo mang tài sản trộm cắp về đây cất giấu. Ông Nguyễn Văn C (cha bị H) chủ sở hữu xe ô tô BKS số: 43A-203.63, Công ty TNHH Xây dựng và Du lịch K (chủ sở hữu xe ô tô BKS số: 43A-207.64) và Trương Thị Hồng Ph giao cho H thuê, đều không biết sử dụng các phương tiện trên vào việc phạm tội, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý và trả lại tài sản cho (chủ sở hữu) là có cơ sở, nên cũng không đề cập đến.

[10] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí HSST và DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

I. Về tội danh:

Tuyên bố: Các bị cáo **Đinh Công T, Trịnh Quang V, Nguyễn Trọng Hi** phạm tội “**Trộm cắp tài sản**” và bị cáo **Phan Tấn An** phạm tội “**Trộm cắp tài sản**” và tội “**Chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có**”

II. Về hình phạt:

2.1. Căn cứ: Điểm a, b, c, g khoản 2 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52, các điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Xử phạt: Bị cáo **Đinh Công T: 05 (năm) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.**

Căn cứ: Điều 56 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017)

Tổng hợp hình phạt của Bản án số: 91/2021/HSPT ngày 09/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử bị cáo 05 (năm) tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, đã có hiệu lực pháp luật.

Buộc bị cáo **Đinh Công T** phải chấp hành chung cho cả hai bản án là: **10 (mười)** năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 19/11/2020.

2.2. Căn cứ: Điểm a, b, c khoản 2 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017)

Xử phạt: Bị cáo **Trịnh Quang V: 03 (ba)** năm, **06 (sáu)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 01/12/2020.

Xử phạt: Nguyễn Trọng Hi: 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 19/11/2020.

2.3. Căn cứ: Điểm a, c khoản 2 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52, điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Xử phạt: Phan Tấn An: 02 (hai) năm tù về tội **“Trộm cắp tài sản”**

Căn cứ: Khoản 1 Điều 323, điểm d khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Xử phạt: Phan Tấn An: 01 (một) năm tù về tội **“Chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”**

Căn cứ: Điều 55 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017)

Tổng hợp hình phạt chung cho cả 02 (hai) tội buộc bị cáo **Phan Tấn An** phải chấp hành là: **03 (ba)** năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 19/11/2020.

III. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

1.3. Buộc các bị cáo Trịnh Quang V và Nguyễn Trọng Hi cùng liên đới chịu trách nhiệm bồi thường trả lại cho bà Rah Lan H số tiền: **2.800.000đ (Hai triệu tám trăm ngàn đồng)**. Trong đó chia phần cho mỗi bị cáo phải chịu là: **1.400.000đ (Một triệu, bốn trăm ngàn đồng)**.

2.3. Buộc các bị cáo Trịnh Quang V và Nguyễn Trọng Hi cùng liên đới chịu trách nhiệm bồi thường trả lại cho Công ty CP AM do anh Nguyễn Tấn D (làm đại diện) số tiền: **9.520.000đ (Chín triệu, năm trăm hai mươi ngàn đồng)**. Trong đó chia phần cho mỗi bị cáo phải chịu là: **4.760.000đ (Bốn triệu, bảy trăm sáu mươi ngàn đồng)**.

3.3. Buộc các bị cáo Trịnh Quang V và Nguyễn Trọng Hi cùng liên đới chịu trách nhiệm bồi thường trả lại cho hộ kinh doanh BBQ U do chị Lê Thị Phương Th (làm chủ hộ KD) số tiền: **996.000đ (Chín trăm chín sáu ngàn đồng)**. Trong đó chia phần cho mỗi bị cáo phải chịu là: **498.000đ (Bốn trăm chín tám ngàn đồng)**.

4.3. Buộc các bị cáo Đinh Công T và Nguyễn Trọng Hi cùng liên đới chịu trách nhiệm bồi thường trả lại cho anh Nguyễn Hoàng Nhật H số tiền: **2.870.000đ**

(Hai triệu, tám trăm bảy mươi ngàn đồng). Trong đó chia phần cho mỗi bị cáo phải chịu là: **1.435.000đ** (Một triệu, bốn trăm ba mươi lăm ngàn đồng).

5.3. Buộc các bị cáo Đinh Công T và Trịnh Quang V cùng liên đới chịu trách nhiệm bồi thường trả lại cho ông Kim Seok H số tiền: **9.536.000đ** (Chín triệu, năm trăm ba mươi sáu ngàn đồng). Trong đó chia phần cho mỗi bị cáo phải chịu là: **4.768.000đ** (Bốn triệu, bảy trăm sáu mươi tám ngàn đồng).

6.3. Buộc các bị cáo Đinh Công T và Nguyễn Trọng Hi cùng liên đới chịu trách nhiệm bồi thường trả lại cho bà Đỗ Thị Hoài H số tiền: **21.376.000đ** (Hai mươi một triệu, ba trăm bảy mươi sáu ngàn đồng). Trong đó chia phần cho mỗi bị cáo phải chịu là: **10.688.000đ** (Mười triệu, sáu trăm tám mươi tám ngàn đồng).

7.3. Buộc các bị cáo Đinh Công T, Nguyễn Trọng Hi và Phan Tấn An cùng liên đới chịu trách nhiệm bồi thường trả lại cho bà Đỗ Thị Hoài H số tiền: **7.637.000đ** (Bảy triệu, sáu trăm ba mươi bảy ngàn đồng). Trong đó chia phần cho mỗi bị cáo phải chịu là: **2.545.000đ** (Hai triệu, năm trăm bốn mươi ngàn đồng làm tròn số).

8.3. Buộc các bị cáo Đinh Công T và Trịnh Quang V cùng liên đới chịu trách nhiệm bồi thường trả lại cho bà Võ Thị Xuân Qu số tiền: **9.356.000đ** (Chín triệu, ba trăm năm mươi sáu ngàn đồng). Trong đó chia phần cho mỗi bị cáo phải chịu là: **4.678.000đ** (Bốn triệu, sáu trăm bảy mươi tám ngàn đồng).

9.3. Buộc các bị cáo Đinh Công T và Trịnh Quang V cùng liên đới chịu trách nhiệm bồi thường trả lại cho anh Ngô Xuân Vi số tiền: **11.944.000đ** (Mười một triệu, chín trăm bốn mươi bốn ngàn đồng). Trong đó chia phần cho mỗi bị cáo phải chịu là: **5.972.000đ** (Năm triệu, chín trăm bảy mươi hai ngàn đồng).

10.3. Buộc các bị cáo Đinh Công T và Trịnh Quang V cùng liên đới chịu trách nhiệm bồi thường trả lại cho anh Phan Đình Tiến Nh số tiền: **3.662.000đ** (Ba triệu, sáu trăm sáu mươi hai ngàn đồng). Trong đó chia phần cho mỗi bị cáo phải chịu là: **1.831.000đ** (Một triệu, tám trăm ba mươi một ngàn đồng)

11.3. Buộc các bị cáo Đinh Công T và Phan Tấn An cùng liên đới chịu trách nhiệm bồi thường trả lại cho ông Kim Seok - H số tiền: **13.728.000đ** (Mười ba triệu, bảy trăm hai mươi tám ngàn đồng). Trong đó chia phần cho mỗi bị cáo phải chịu là: **6.864.000đ** (Sáu triệu, tám trăm sáu mươi bốn ngàn đồng)

12.3. Buộc các bị cáo Nguyễn Trọng Hi và Phan Tấn An cùng liên đới chịu trách nhiệm bồi thường trả lại cho anh Nguyễn Văn Minh Th số tiền: **5.456.000đ** (Năm triệu, bốn trăm năm mươi sáu ngàn đồng). Trong đó chia phần cho mỗi bị cáo phải chịu là: **2.728.000đ** (Hai triệu, bảy trăm hai mươi tám ngàn đồng)

13.3. Buộc các bị cáo Nguyễn Trọng Hi, Đinh Công T và Trịnh Quang V cùng liên đới chịu trách nhiệm bồi thường trả lại cho Công ty cổ phần T do anh Nguyễn Văn Ch làm giám đốc đại diện) số tiền: **17.290.000đ** (*Mười bảy triệu, hai trăm chín mươi ngàn đồng*). Trong đó chia phần cho mỗi bị cáo phải chịu là: **5.763.000đ** (*Năm triệu, bảy trăm sáu mươi ba ngàn đồng*)

14.3. Buộc bị cáo Đinh Công T phải chịu trách nhiệm bồi thường trả lại cho anh Hà Ngọc Na số tiền: **2.700.000đ** (*Hai triệu, bảy trăm ngàn đồng*);

15.3. Buộc bị cáo Đinh Công T phải chịu trách nhiệm bồi thường trả lại cho anh Lê Thế Li số tiền: **10.200.000đ** (*Mười triệu, hai trăm ngàn đồng*);

16.3. Buộc bị cáo Đinh Công T phải chịu trách nhiệm bồi thường trả lại cho bà Trần Thị Kim Du số tiền: **3.930.000đ** (*Ba triệu, chín trăm ba mươi ngàn đồng*);

17.3. Buộc bị cáo Đinh Công T phải chịu trách nhiệm bồi thường trả lại cho bà Đặng Thị Thu Nguy số tiền: **4.500.000đ** (*Bốn triệu, năm trăm ngàn đồng*);

18.3. Buộc bị cáo Nguyễn Trọng Hi phải chịu trách nhiệm bồi thường trả lại cho bà Hoàng Thị Hoa Chu số tiền: **35.356.000đ** (*Ba mươi lăm triệu, ba trăm năm sáu ngàn đồng*).

Tổng số tiền buộc bị cáo Đinh Công T phải chịu trách nhiệm bồi thường trả lại cho các bị hại là: **70.642.000đ** (*Bảy mươi bảy triệu, sáu trăm bốn mươi hai ngàn đồng*).

Tổng số tiền buộc bị cáo Nguyễn Trọng Hi phải chịu trách nhiệm bồi thường trả lại cho các bị hại là: **65.173.000đ** (*Sáu mươi lăm triệu, một trăm bảy ba ngàn đồng*); (*Đã nộp xong số tiền bồi thường*)

Tổng số tiền buộc bị cáo Trịnh Quang V phải chịu trách nhiệm bồi thường trả lại cho các bị hại là: **29.670.000** (*Hai mươi chín triệu, sáu trăm bảy mươi ngàn đồng*).

Tổng số tiền buộc bị cáo Phan Tấn An phải chịu trách nhiệm bồi thường trả lại cho các bị hại là: **12.137.000đ** (*Mười hai triệu, một trăm ba mươi bảy ngàn đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, mà người có nghĩa vụ thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ bồi thường thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

IV. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 BLHS và Điều 106 BLTTHS.

Tuyên:

4.1. Trả lại cho ông JUNG ILKW 02 (hai) quạt điều hòa âm tường LG 2400 màu trắng.

4.2. Trả lại cho anh Võ Kim Trư 01(một) xe mô tô nhãn hiệu Honda 67 (không gắn BKS số khung không rõ, số máy C50E390576 đã qua sử dụng)

4.3. Tịch thu bán hóa giá sung vào ngân sách Nhà Nước các vật chứng do các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội gồm:

- 01(một) điện thoại Samsung Galaxy S5 màu trắng, 01(một) điện thoại Mastel màu đen và 01(một) xe máy nhãn hiệu Honda cúp màu đỏ gắn BKS số: 43AA-212.29; (Số máy: không, số khung: DH88XE4015409 không tìm thấy dữ liệu tra cứu theo chỉ tiêu tìm kiếm trên của bị cáo Đinh Công T)

- 01(một) điện thoại hiệu LG màu xám (của bị cáo Nguyễn Trọng Hi)

- 01(một) xe máy nhãn hiệu YAMAHA màu xanh BKS số: 43H8-7480 có số khung 001240, số máy 01240 (đứng tên chủ xe Trần Hà Lan Phư của bị cáo Phan Tấn An mua lại nhưng chưa làm thủ tục sang tên đổi chủ)

4.4 .Tịch thu tiêu hủy các vật chứng do không có giá trị sử dụng gồm:

01(một) kim cộng lực dài 30cm; 01(một) tuốt vít dài 10cm; 01(một) cây tıp vắn chữ L; 01(một) cà lê phi 11 và 01(một) cà lê phi 12;

4.5. Tiếp tục quy trữ tạm giữ số tiền 2.400.000 đồng (Hai triệu, bốn trăm ngàn đồng) của bị cáo Đinh Công T; số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), do gia đình bị cáo Trịnh Quang V (tự nguyện nộp) và số tiền 67.000.000 đồng (Sáu mươi bảy triệu đồng), do gia đình bị cáo Nguyễn Trọng Hi (tự nguyện nộp) nhằm đảm bảo việc thi hành án.

Toàn bộ số tang vật chứng trên hiện Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng đang tạm giữ theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/9/2021; Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 07/5/2021 và BL thu tiền số: 0002053 ngày 27/9/2021.

V. Về án phí: Căn cứ Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Án phí HSST: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng)

Án phí DSST: Bị cáo Đinh Công T phải chịu là: **3.532.000đ** (Ba triệu, năm trăm ba mươi hai ngàn đồng).

Bị cáo Trịnh Quang V phải chịu là: **1.483.500đ** (Một triệu, bốn trăm tám mươi ba ngàn, năm trăm đồng)

Bị cáo Nguyễn Trọng Hi không phải chi án phí DSST *(do đã nộp xong số tiền buộc bồi thường)*

Bị cáo Phan Tấn An phải chịu: **606.850đ** *(sáu trăm không sáu ngàn, tám trăm năm mươi đồng)*.

VI. Quyền kháng cáo: Báo cho các bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Riêng những người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận *(hoặc niêm yết)* bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 02 Luật Thi hành án dân sự. Các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Đà Nẵng;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Phòng HSNV- Công an TP Đà Nẵng;
- PC 45 - CA TP. Đà Nẵng;
- Cơ quan THAHS – Công an TP Đà Nẵng;
- Trại giam Hoà Sơn;
- Cục THADS TP. Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp TP.Đà Nẵng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Vĩnh Chuyên